

"V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính bán niên năm 2017  
Giảm hơn 10% so với cùng kỳ"

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2017

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước**  
**- Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh**  
**- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ:

- Luật chứng khoán số/2006/QH11 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Thông tư 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo kết quả kinh doanh được kiểm toán của Công ty cổ phần Chứng khoán NHNo & PTNT Việt Nam (Công ty).

Công ty xin gửi Quý Ủy ban và Quý Sở bản giải trình về những nội dung sau:

**I. Chênh lệch chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo tài chính bán niên năm 2017 tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm trước:**

**1. Chỉ tiêu thay đổi so với cùng kỳ :**

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	30/6/2017	30/6/2016	Chênh lệch tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
1	Tổng doanh thu	103.333.354.144	60.932.044.913	42.401.309.231	69.59%
2	Tổng chi phí	31.162.304.864	428.273.132.464	-397.110.827.600	-92.72%
3	Kết quả hoạt động	72.171.049.280	(367.341.087.551)	439.512.136.831	
4	Thu nhập khác và chi phí khác	23.588.755	(176.935.909)	200.524.664	
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	51.842.866.023	(384.673.398.496)	436.516.264.519	
6	Chi phí thuế TNDN		39.576.534.832	(39.576.534.832)	
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	51.842.866.023	(424.249.933.328)	476.092.799.351	

## 2. Nguyên nhân:

Lợi nhuận sau thuế TNDN tại kỳ báo cáo tài chính bán niên năm 2017 tăng 476 tỷ tương đương tăng hơn 10% so với cùng kỳ năm 2016 là do Tổng doanh thu tăng 42,4 tỷ tương đương tăng 69,6% và Tổng chi phí giảm 397,1 tỷ đồng tương đương giảm 92,7%. Tổng doanh thu tăng và tổng chi phí giảm chủ yếu do các khoản mục chính sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	30/6/2017	30/6/2016	Chênh lệch tăng/giảm
1	- Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	7.412.247.767	0	7.412.247.767
2	- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	10.342.492.693	19.265.140.436	-8.922.647.743
3	- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	36.564.219.278	16.532.131.329	20.032.087.949
4	- Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	22.890.000.000	0	22.890.000.000
	<b>Tổng chênh lệch tăng doanh thu</b>			<b>41.411.687.973</b>
5	- Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC thông qua lãi/lỗ	49.683.616	150.311.639.013	-150.261.955.397
6	- Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	0	167.484.997.880	-167.484.997.880
7	- Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	7.600.000.000	0	7.600.000.000
8	- Chi phí dự phòng các dịch vụ CTCK cung cấp	6.352.439.363	100.664.888.162	-94.312.448.799
9	- Chi phí quản lý	20.351.772.012	17.155.375.036	3.196.396.976
	<b>Tổng chênh lệch tăng chi phí</b>			<b>401.263.005.100</b>

## II. Chênh lệch Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo cân đối kế toán bán niên năm 2017 trước và sau khi kiểm toán:

### A. Giải trình số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo bán niên sau kiểm toán	Báo cáo bán niên trước kiểm toán	Chênh lệch
1. Doanh thu hoạt động	102.113.312.722	95.747.108.782	6.366.203.940
2. Chi phí hoạt động kinh doanh	30.741.482.948	(9.638.534.244)	40.380.017.192

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.351.772.012	20.351.772.012	0
4. Lợi nhuận kế toán sau thuế	51.842.866.023	85.856.679.275	-34.013.813.252

<b>1. Doanh thu hoạt động tăng do:</b> - Chênh lệch tăng do đánh giá lại TSTC FVTPL (hoàn nhập dự phòng) trước kiểm toán hạch toán giảm chi phí, sau kiểm toán hạch toán tăng doanh thu	6.366.203.940
<b>3. Chi phí hoạt động kinh doanh tăng do:</b> - Chênh lệch tăng do đánh giá lại TSTC FVTPL (hoàn nhập dự phòng) trước kiểm toán hạch toán giảm chi phí, sau kiểm toán hạch toán tăng doanh thu - Chênh lệch tăng do đánh giá lại HNG (hoàn nhập dự phòng) trước kiểm toán hạch toán giảm chi phí, sau kiểm toán hạch toán tăng vốn chủ sở hữu	6.366.203.940 34.011.250.000
<b>4. Lợi nhuận kế toán sau thuế giảm do:</b> - Tăng chi phí từ chênh lệch tăng do đánh giá lại HNG (hoàn nhập dự phòng) trước kiểm toán hạch toán giảm chi phí, sau kiểm toán hạch toán tăng vốn chủ sở hữu	34.011.250.000

**B. Giải trình số liệu trên Báo cáo cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo bán niên sau kiểm toán	Báo cáo bán niên trước kiểm toán	Chênh lệch
1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	48,781,606,043	400,127,258,384	-351,345,652,341
2. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	358,010,350,000	48,999,100,000	309,011,250,000
3. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	(233,910,250,724)	(276,242,089,813)	42,331,839,089
4. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	64,620,550,000	28,609,300,000	36,011,250,000
5. Lợi nhuận chưa phân phối	(510,077,836,618)	(476,064,023,366)	-34,013,813,252

<b>1. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)</b>	
- Phân loại lại cổ phiếu HNG từ FVTPL sang AFS	- 275.000.000.000
- Phân loại lại chênh lệch đánh giá lại TSTC FVTPL từ dự phòng sang	- 42,331,839,089
- Giảm chênh lệch đánh giá lại cổ phiếu HNG do phân loại lại	-34,011,250,000
<b>2. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán</b>	
- Phân loại lại cổ phiếu HNG từ FVTPL sang AFS	275.000.000.000
- Tăng chênh lệch đánh giá lại cổ phiếu HNG do phân loại lại	34,011,250,000
<b>3. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp</b>	
- Phân loại lại dự phòng tài sản tài chính sang chênh lệch đánh giá lại FVTPL	42,331,839,089
<b>4. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý</b>	
- Tăng do phân loại lại cổ phiếu HNG	34,011,250,000
- Tăng chênh lệch đánh giá lại HNG	2.000.000.000
<b>5. Lợi nhuận chưa phân phối</b>	
- Giảm chênh lệch đánh giá lại TSTC FPTVL do phân loại lại HNG	-34,011,250,000
- Giảm chênh lệch đánh giá lại TSTC FPTVL	- 2.563.252

**Trân trọng cảm ơn!**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu HC-TH, KTTC



**ĐINH NGỌC PHƯƠNG**